

**Phụ lục 1:**

**DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số / TTYT-KDTTBVTYT, ngày / 9/2025 của TTYT Phù Cát)

| STT                                                                            | Danh mục dịch vụ                       | Model/Nước sản xuất | ĐVT | Số lượng | Mô tả dịch vụ        | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-----|----------|----------------------|---------|
| <b>I.KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN PHƯƠNG TIỆN ĐO LƯỜNG NHÓM 2</b>                     |                                        |                     |     |          |                      |         |
| 1                                                                              | Huyết áp kế cơ ( đồng hồ)              | Nhật Bản            | Cái | 39       | Kiểm định/Hiệu chuẩn |         |
| 2                                                                              | Huyết áp kế điện tử                    | Nhật Bản            | Cái | 8        | Kiểm định            |         |
| 3                                                                              | Cân phân tích                          | Anh                 | Cái | 1        | Kiểm định            |         |
| 4                                                                              | Cân lò xo                              | Việt Nam            | Cái | 10       | Kiểm định            |         |
| 5                                                                              | Máy đo khúc xạ tự động                 | Nhật Bản            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 6                                                                              | Nhiệt kế thủy ngân đo nhiệt độ tủ lạnh | Việt Nam            | Cái | 11       | Hiệu chuẩn           |         |
| 7                                                                              | Nhiệt kế thủy ngân đo nhiệt độ tủ lạnh | Trung Quốc          | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 8                                                                              | Nhiệt ẩm kế điện tử tự ghi             | Trung Quốc          | Cái | 7        | Hiệu chuẩn           |         |
| 9                                                                              | Nhiệt kế điện tử ( Fride-tag2E)        | Thụy sĩ             | Cái | 2        | Hiệu chuẩn           |         |
| 10                                                                             | Chỉ thị đóng băng điện tử Freze-tag    | Thụy sĩ             | Cái | 2        | Hiệu chuẩn           |         |
| 11                                                                             | Micropipet                             | Đức                 | Cái | 3        | Hiệu chuẩn           |         |
| 12                                                                             | Micropipet                             | Trung Quốc          | Cái | 3        | Hiệu chuẩn           |         |
| 13                                                                             | Máy ly tâm                             | Đức                 | Cái | 3        | Hiệu chuẩn           |         |
| 14                                                                             | Máy ly tâm                             | Đài Loan            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 15                                                                             | Tủ an toàn sinh học cấp 1              | Việt Nam            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 16                                                                             | Tủ an toàn sinh học cấp 2              | Đài Loan            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 17                                                                             | Tủ an toàn sinh học cấp 2              | Hàn Quốc            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 18                                                                             | Tủ sấy                                 | Việt Nam            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 19                                                                             | Tủ ẩm                                  | Đức                 | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| <b>II. KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ YÊU CẦU NGHIỆM NGẠT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG</b> |                                        |                     |     |          |                      |         |
| 20                                                                             | Nồi hấp                                | Đài Loan            | Cái | 1        | Kiểm định            |         |
| 21                                                                             | Nồi hấp                                | Việt Nam            | Cái | 1        | Kiểm định            |         |
| 22                                                                             | Tủ lạnh hoá chất                       | Italia              | Cái | 2        | Hiệu chuẩn           |         |
| 23                                                                             | Tủ lạnh âm sâu                         | Trung Quốc          | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 24                                                                             | Tủ lạnh bảo quản bệnh phẩm             | Nhật Bản            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |
| 25                                                                             | Tủ lạnh bảo quản vắc xin/thuốc         | Việt Nam            | Cái | 1        | Hiệu chuẩn           |         |

| STT | Danh mục dịch vụ               | Model/Nước sản xuất              | ĐVT | Số lượng | Mô tả dịch vụ | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------------------------------|-----|----------|---------------|---------|
| 26  | Tủ lạnh bảo quản vắc xin/thuốc | TCW3000AC, TCW4000AC; Luxembourg | Cái | 2        | Hiệu chuẩn    |         |

**III.KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ Y TẾ VỀ AN TOÀN VÀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ Y TẾ**

|    |                            |                                           |     |   |           |  |
|----|----------------------------|-------------------------------------------|-----|---|-----------|--|
| 27 | Dao mổ điện                | LTDD350- 2K1/ 03 (Long Phương – Việt Nam) | Cái | 1 | Kiểm định |  |
| 28 | Máy gây mê kèm thở         | Carestation 620 (GE Healthcare- Mỹ)       | Máy | 1 | Kiểm định |  |
| 29 | Lồng ấp trẻ sơ sinh        | CHS - i1000 - Hàn Quốc                    | Cái | 2 | Kiểm định |  |
|    | <b>Tổng cộng: 29 khoản</b> |                                           |     |   |           |  |